

BÁO CÁO

**Về kết quả thực hiện công tác công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
của Trường Mầm non Cát Tường, năm học 2023 - 2024**

Trường Mầm non Cát Tường báo cáo việc thực hiện công tác công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT tại đơn vị như sau:

I. Kết quả thực hiện quy chế công khai:

Đơn vị thực hiện đầy đủ các biểu mẫu công khai đã được quy định trong Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các nội dung sau:

1.1. Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2023 - 2024

Biểu mẫu 01

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Đạt 99% trẻ đạt sức khỏe kênh A.	Đạt 99% trẻ đạt sức khỏe kênh A.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Trên 90% trẻ có kiến thức, kỹ năng, nề nếp, thói quen, tình cảm quan hệ xã hội.	Trên 90% trẻ có kiến thức, kỹ năng, nề nếp, thói quen, tình cảm quan hệ xã hội.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về mặt thể chất và tinh thần. - Thực hiện Chương trình GDMN - Đáp ứng mục tiêu phát triển theo 4 lĩnh vực: Giáo dục thể chất, giáo dục nhận thức, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội.	- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về mặt thể chất và tinh thần. - Thực hiện Chương trình GDMN - Đáp ứng mục tiêu phát triển theo 5 lĩnh vực: Giáo dục thể chất, giáo dục nhận thức, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục tình cảm xã hội và giáo dục thẩm mỹ.

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Có đầy đủ phòng học, trang bị theo Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng BGDĐT.	- Có đầy đủ phòng học, trang bị theo Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng BGDĐT.
----	---	---	---

1.2. Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế (Biểu mẫu 02).

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-13 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	314	0	16	23	74	95	106
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	314	0	16	23	74	95	106
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	314	0	16	23	74	95	106

III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	314	0	16	23	74	95	106
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	314	0	16	23	74	95	106
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	314	0	16	23	74	95	106
1	Số trẻ cân nặng bình thường	306	0	13	41	60	98	76
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	314	0	16	23	74	95	106
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1	0	0	0	1	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	7	0	0	0	0	3	4
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	314	0	16	23	74	95	106
1	Chương trình giáo dục NT	39	0	16	23	0	0	0
2	Chương trình giáo dục MG	275	0	0	0	74	95	106

1.3. Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non (Biểu mẫu 03).

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1108,6 m ²	1088,5 m ² /314 h.sinh:

			3,3m ² /1 học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	309,14 m²	309,14 m ² /314 học sinh: 1 m ² /1 học sinh
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	64,03 m²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	64,03 m²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	13,2 m²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	88,2 m²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	160,8 m²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	146 bộ	(NT:31; MG:115)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	00	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	17	
1	Ti vi	12	
2	Nhạc cụ (đàn organ)	02	
3	Máy photo	01	
4	Máy fax	01	
5	Đầu đĩa	01	
6	Máy vi tính	15	
7	Máy in	03	
8	Bảng từ	01	
9	Loa Bluetooth	03	
10	Dàn máy âm thanh	01	
11	Máy ảnh kỹ thuật số	01	

12	Màn hình Led	01	
13	Máy tính bảng	05	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
14	Đồ chơi ngoài trời	02	
15	Bàn ghế học sinh đúng quy cách	Bàn: 134 Ghế: 338	
16	Cân điện tử	01	
17	Xe chòi chân	04	
18	Dụng cụ tập thể thao	04	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	22	132		0,4	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

1.4. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non

Biểu mẫu 04

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	Đ	H	C	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình

	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	36	0	3	24	3	0	6	0	13	15	11	17	0	0
I	Giáo viên														
1	Nhà trẻ	5	0	0	4	1	0	0	0	2	3	0	5	0	0
2	Mẫu giáo	20	0	2	17	1	0	0	0	11	12	8	12	0	0
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
III	Nhân viên	8													
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	6	0	0	0	0	1	5	0	0	0	0	0	0	0
..	..														

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 01 năm tiếp theo gồm có:

- 02 cán bộ quản lý dự kiến tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý giáo dục (tháng 8/2025).

- 03 giáo viên dự kiến tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý giáo dục (tháng 12/2024) và tháng 8/2025.

II. Công tác chỉ đạo

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT- BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ kế hoạch số 155/KH-CT ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Trường Mầm non Cát Tường về Kế hoạch thực hiện công tác công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. Triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT tại đơn vị

Đã triển khai Kế hoạch số 155/KH-CT ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Trường Mầm non Cát Tường về Kế hoạch thực hiện công tác công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Công tác triển khai

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 155/KH-CT ngày 13 tháng 9 năm 2023 về việc thực hiện công tác công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị:

*** Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 01).**

- Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được.
- Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.
- Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.
- Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.

*** Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế (Biểu mẫu 02).**

- Tổng số trẻ em.
- Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú.
- Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe.
- Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng.
- Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em.
- Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục.

*** Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non (Biểu mẫu 03).**

- Tổng số phòng học.
- Loại phòng học.
- Số điểm trường.
- Tổng diện tích đất toàn trường (m).
- Tổng diện tích một số loại phòng.
- Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu.
- Tổng số đồ chơi ngoài trời.
- Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...).
- Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác.
- Nhà vệ sinh.

- Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Nguồn điện lưới, phát điện riêng).
- Kết nối Internet.
- Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục.
- Trường rào xây.

*** Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục (Biểu mẫu 4).**

- Giáo viên.
- Cán bộ quản lý.
- Nhân viên.

2. Kết quả thực hiện

- Hình thức:

Công khai trên bản tin tuyên truyền của nhà trường, bảng tin trường.

- Thời điểm công khai:

+ Công khai đến cha mẹ học sinh vào các buổi họp đầu năm học mới chuẩn bị nhận trẻ vào học, vào sơ kết học kỳ I và cuối học kỳ II.

- Đã công khai các nội dung:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các nội dung công khai.

- + Công khai cam kết chất lượng giáo dục ở cơ sở giáo dục mầm non.
- + Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế.
- + Công khai cơ sở vật chất nhà trường.
- + Công khai về đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên.

- Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2024-2025.

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

3. Nhận xét, đánh giá:

- Ưu điểm:

Nhà trường đã trang bị đầy đủ các bảng tin tại văn phòng, bản tin tuyên truyền của trường.

Nội dung công khai được công bố và được thông qua cha mẹ học sinh vào buổi họp phụ huynh.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các nội dung công khai.

- + Công khai cam kết chất lượng giáo dục ở cơ sở giáo dục mầm non.
- + Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế.
- + Công khai cơ sở vật chất nhà trường.
- + Công khai về đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên.

Nhà trường xây dựng kế hoạch thu chi ngay từ đầu năm học, xây dựng cụ

thể các loại quỹ và có kế hoạch thu chi cụ thể của từng loại. Thu chi theo thoả thuận với phụ huynh học sinh.

- Hạn chế: không có.

4. Đề nghị: không có.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (Tổ MN);
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Văn Thị Hồng Loan

1. The first part of the report is a general introduction to the subject of the study. It includes a brief history of the subject and a statement of the purpose of the study.

2. The second part of the report is a detailed description of the methods used in the study. It includes a description of the subjects, the materials, and the procedures used.

3. The third part of the report is a presentation of the results of the study. It includes a description of the data collected and a discussion of the findings.

4. The fourth part of the report is a conclusion and a discussion of the implications of the study. It includes a summary of the findings and a discussion of the limitations of the study.



1. The first part of the report is a general introduction to the subject of the study. It includes a brief history of the subject and a statement of the purpose of the study.

2. The second part of the report is a detailed description of the methods used in the study. It includes a description of the subjects, the materials, and the procedures used.

3. The third part of the report is a presentation of the results of the study. It includes a description of the data collected and a discussion of the findings.

4. The fourth part of the report is a conclusion and a discussion of the implications of the study. It includes a summary of the findings and a discussion of the limitations of the study.